TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Góc nhìn Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche về sự suy giảm Phật giáo

ISSN: 2734-9195 11:10 23/04/2026

Cá nhân tôi cho rằng điều tốt nhất là khởi tâm nguyện chân thành vì sự giác ngộ của tất cả chúng sinh và vì sự gìn giữ, phát triển của Chính pháp. Ngoài ra, tôi không thấy phật tử hay các nhà lãnh đạo Phật giáo có thể làm được nhiều hơn.

Một cuộc phỏng vấn với Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche.

Tháng 3 vừa qua, Pew Research Center công bố số liệu cho thấy số lượng **tín đồ Phật giáo** trên toàn cầu đang suy giảm.

Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche (DJKR), người thường xuyên theo dõi các xu hướng Phật giáo tại châu Á và trên thế giới đã phân tích về những hạn chế của cách tiếp cận nói trên.

Nguồn: khyentsefoundation.org

Rinpoche là một vị Lạt-ma Bhutan có uy tín toàn cầu, người kế thừa dòng truyền thừa phong trào Rimé và giáo pháp của Jamyang Khyentse Wangpo (1820-1892). Ngài cũng là đạo diễn điện ảnh với nghệ danh Khyentse Norbu, đồng thời sáng lập nhiều tổ chức về giáo dục, dịch thuật và hoằng pháp.

BDG: *Khảo sát gần đây của Pew cho rằng sự suy giảm của Phật giáo có liên quan đến "chuyển dịch thế hệ, áp lực lối sống và thay đổi thái độ văn hóa đối với tôn giáo". Theo Ngài, những biến đổi này ở châu Á khác gì so với phương Tây (các xã hội độc thần)? Phân tích này có thiếu sót gì không?*

Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche: Trước khi trả lời, tôi muốn nhấn mạnh rằng người phật tử cầu cho tất cả chúng sinh thành Phật, chứ không phải trở thành phật tử. Hơn nữa, bất kỳ sự chấp chước nào vào bản sắc hay "cái tôi phật tử" đều không phải là mục tiêu của con đường vô ngã.

Tuy vậy, khi trả lời câu hỏi về sự hiện diện của Phật giáo, tôi lại đang nói như một "phật tử có tinh thần bản sắc rất mạnh mẽ", điều mà người học Phật đáng ra phải thấy xấu hổ.

Từ góc nhìn đó, tôi cho rằng phân tích của Pew đã bỏ qua một vấn đề then chốt, cả hữu thức lẫn vô thức. Thực ra, việc so sánh giữa các "tôn giáo", đặc biệt là việc đối chiếu sự suy giảm của Phật giáo với sự gia tăng của các tôn giáo Abraham chỉ có thể hiểu đúng nếu đặt trong bối cảnh lịch sử.

Kể từ thế kỷ XVI, khi Bồ Đào Nha khởi đầu tiến trình thuộc địa hóa của châu Âu, thế giới đã không còn như trước. Các thế lực thực dân không chỉ cướp bóc, áp bức và nô dịch các dân tộc, mà còn phá hủy đời sống tinh thần của họ.

Quá trình thuộc địa hóa đó chưa bao giờ thực sự chấm dứt, mà vẫn tiếp diễn và ngày càng chi phối các giá trị, thiết chế và hành vi toàn cầu.

Ngay cả sau những tàn phá khốc liệt của Cultural Revolution, Trung Quốc vẫn duy trì đời sống học tập và **thực hành Phật giáo** rất năng động; quan trọng hơn, đa số số lượng người tự nhận là phật tử trên phương diện văn hóa hơn là khía cạnh tôn giáo.

Theo một số ước tính, Trung Quốc hiện có số phật tử nhiều nhất thế giới, chiếm khoảng một nửa tổng số phật tử toàn cầu.

Ngược lại, khi Hoa Kỳ có ảnh hưởng mạnh tại Nhật Bản và Hàn Quốc sau World War II - vốn từng là những trung tâm Phật giáo thì Phật giáo dần bị gạt ra bên lề và tiếp tục suy giảm. Thậm chí hiện nay, các nhà truyền giáo Hàn Quốc lại thuộc nhóm tích cực nhất trong việc truyền đạo Kitô tại khu vực Himalaya.

Ảnh hưởng của thuộc địa không chỉ ở cấp độ hiển lộ mà còn thấm sâu vào những tầng tinh vi nhất của nhận thức. Có thể hình dung như thể vùng Punjab từng xâm lược nước Anh cách đây một nghìn năm, và Hoàng gia Anh ngày nay vẫn tự hào phục vụ món Sarson ka Saag trong các yến tiệc.

Không phải các tôn giáo Abraham có logic ưu việt hơn hay phù hợp hơn với khoa học, mà bởi chúng gắn liền với các thế lực thống trị. Trong một thế giới mà quyền lực và của cải là mục tiêu của phần đông con người, kẻ chiến thắng luôn được noi theo, nếu không muốn nói là được ngưỡng mộ. Điều này cũng lý giải vì sao Kitô giáo vẫn gắn với hình ảnh quyền lực. Khi người được cho là quyền lực nhất thế giới tuyên thệ nhậm chức Tổng thống Hoa Kỳ, họ đặt tay lên Kinh Thánh, trong khi Hoa Kỳ lại quảng bá mình như một xã hội dân chủ và thế tục.

Trong bối cảnh đó, các thế lực thực dân đã xếp Phật giáo vào phạm trù "tôn giáo". Dù việc xem Phật giáo là một tôn giáo đã bị tranh luận nhiều, nhưng cách gọi này đã tồn tại quá lâu đến mức khó có thể đảo ngược.

Bản thân từ "religion" của tiếng Anh lại xuất phát từ một nền văn hóa hoàn toàn khác, gắn chặt với các hệ thống Abraham, vốn có định nghĩa, tiêu chuẩn và phương pháp rất khác với Phật giáo, Advaita hay Đạo giáo.

Chẳng hạn, Phật giáo không có những lời hứa do Thượng đế ban xuống, không có khái niệm "dân tộc được chọn", không vận hành trên hệ thống thưởng - phạt đạo đức hay đối lập thiện - ác.

Khi người ta xem Phật giáo là một "tôn giáo" và áp dụng khái niệm đó để so sánh, họ vô thức cho rằng Phật giáo cũng mang những đặc điểm của các tôn giáo Abraham. Đây là một hiểu lầm nghiêm trọng, bỏ lỡ hoàn toàn bản chất vấn đề.

Không chỉ Pew, mà cả diễn ngôn của các nhóm cuồng tín tôn giáo hay ngành nghiên cứu so sánh tôn giáo cũng thường không nhận ra rằng Phật giáo không thuộc về định nghĩa "tôn giáo" theo nghĩa Abraham.

Khi phân tích xu hướng tăng - giảm, chúng ta cũng cần thấy rằng những biến đổi về thế hệ, đa nguyên, toàn cầu hóa, cùng với thay đổi về lối sống và văn hóa đã dẫn đến sự khủng hoảng bản sắc trên toàn cầu. Trong bối cảnh đó, các tôn giáo Abraham vốn hứa hẹn khôi phục bản sắc có khả năng tiếp tục mở rộng.

Nguồn: khyentsefoundation.org

Trong khi đó, Phật giáo lại có xu hướng tháo gỡ, chứ không củng cố bản ngã. Những khái niệm như vô thường hay khổ đế cũng không tạo ra một "câu chuyện bản sắc" đủ mạnh để khiến con người cảm thấy tự hào hay gắn bó như trong các tôn giáo độc thần hay chủ nghĩa dân tộc.

Tóm lại, tôi không chắc các giáo lý cốt lõi của các tôn giáo Abraham có thực sự lan rộng hay không. Nhưng rất có thể, chủ nghĩa bản sắc văn hóa gắn với các tôn giáo này sẽ gia tăng, trong khi Phật giáo, ngay cả ở cấp độ văn hóa sẽ suy giảm.

BDG: *Theo Pew, 90% **phật tử** trên thế giới sống tại 10 quốc gia châu Á. Điều này có nghĩa là "lần chuyển pháp luân thứ tư" tại phương Tây vốn được xem là một dấu mốc quan trọng trong vài thập niên qua vẫn quá nhỏ để tạo khác biệt về mặt nhân khẩu học, hay chúng ta đang nhìn nhận phật tử phương Tây theo cách quá hạn hẹp?*

DJKR: Nhân khẩu học dĩ nhiên quan trọng. Nhưng yếu tố "Phật giáo văn hóa" hay truyền thống có lẽ còn quan trọng hơn.

Hai yếu tố này gắn liền với nhau, bởi phần lớn phật tử tại 10 quốc gia châu Á là phật tử do sinh ra trong truyền thống, gia đình hoặc nghi lễ, chứ không nhất thiết là những người học hỏi hay thực hành phật pháp một cách nghiêm túc.

Điều này cũng đúng với Kitô giáo và Hồi giáo, quy mô và sự tăng trưởng của họ phần lớn dựa trên yếu tố văn hóa.

Ví dụ, có ý kiến cho rằng một trong những lý do giúp Donald Trump đắc cử là ảnh hưởng của “cánh hữu Kitô giáo”. Nhưng tôi cho rằng phần lớn những người này thực chất chỉ là Kitô hữu về mặt văn hóa; họ có thể chưa từng đọc Kinh Thánh, chứ chưa nói đến việc nghiên cứu thần học. Tuy vậy, số lượng của họ cũng như của những người Hồi giáo vẫn đủ lớn để tạo ra khác biệt đáng kể.

Như tôi đã nói, con người cần một cảm giác về bản sắc. Văn hóa, thông qua ngôn ngữ, quốc gia, dân tộc, lịch sử hay các biểu tượng, giá trị chung tạo ra “tấm đệm” bản sắc đó, đóng vai trò rất quan trọng trong việc lý giải các xu hướng toàn cầu.

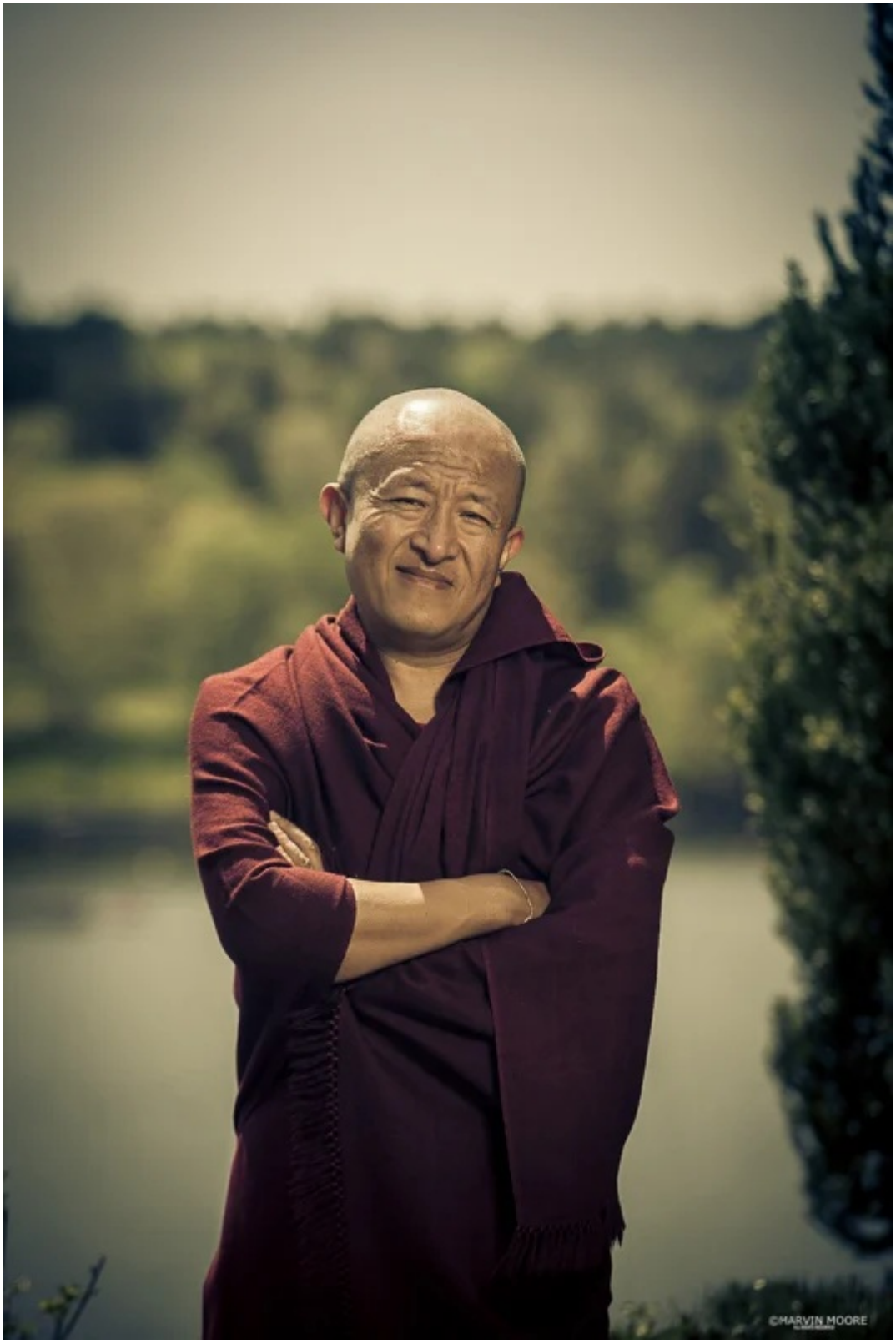

Nguồn: chronicleproject.org

Ảnh hưởng của văn hóa tôn giáo mạnh đến mức ngay cả những người tự nhận là tự do, tiên phong, vô thần hay không theo tôn giáo, vẫn vô thức quay về với "tấm đệm bản sắc" này. Những người cổ vũ cho các khái niệm thế tục như "nhân quyền", hiếm khi nhận ra rằng chúng bắt nguồn sâu xa từ tư duy Kitô giáo, ít khi suy nghĩ về việc các nền văn hóa khác có thể định nghĩa và trân trọng đời sống theo cách khác.

Chẳng hạn, có những nền văn hóa không chỉ coi trọng con người mà còn trân quý mọi chúng sinh; có những nơi đề cao trách nhiệm ngang với quyền lợi. Những quan điểm như vậy hiếm khi có đủ không gian trong diễn ngôn toàn cầu, nhưng ít nhất chúng ta cần nhận thức rằng khái niệm "nhân quyền" không phải lúc nào cũng phù hợp với mọi bối cảnh văn hóa.

Di sản Abraham đã thấm vào hầu hết mọi lĩnh vực đời sống, một cách tinh vi và bền bỉ đến mức ngay cả những phật tử phương Tây có kinh nghiệm cũng có thể hiểu và diễn giải Phật giáo theo những cách vẫn mang dấu ấn của hệ tư duy này.

Sự quan tâm đột ngột của phương Tây đối với Phật giáo trong thập niên 1970 xuất phát từ nhiều yếu tố, như: sự bất mãn xã hội, chiến tranh Việt Nam, phong trào hippie, sự tò mò với phương Đông và khát vọng tìm kiếm chân lý vượt ra ngoài khuôn khổ cũ. Nhưng thế hệ đó nay đã dần qua đi, tôi không thấy sự tăng trưởng đáng kể về mặt nhân khẩu học trong phật tử phương Tây hiện nay.

Những gia tăng tại các thành phố như Vancouver, Los Angeles hay Sydney chủ yếu đến từ làn sóng di cư của người châu Á.

Tôi vẫn tin phương Tây có thể đóng góp rất lớn cho Phật giáo không phải về số lượng mà về chất lượng. Phương Tây đề cao tư duy phản biện và tính khách quan. Dù đôi khi tôi nghi ngờ việc thực hành những giá trị này, đây vẫn là một trong những điểm mạnh quan trọng. Tôi mong rằng các hành giả phương Tây có thể vận dụng điều đó để bảo vệ và gìn giữ chính pháp.

Trong khoa học xã hội, có hai khái niệm: *emic* (góc nhìn nội tại) và *etic* (góc nhìn khách quan từ bên ngoài). Cả hai đều cần thiết để có cái nhìn cân bằng.

Tương tự, **chính pháp** được bảo vệ tốt nhất khi tư duy phân tích khách quan kết hợp hài hòa với sự thấu hiểu nội tại. Nếu các hành giả phương Tây có thể kết nối chiều sâu tâm linh với truyền thống phân tích của họ, điều đó sẽ giúp gìn giữ Phật pháp thuần túy, thay vì một hình thức bị pha trộn quá nhiều yếu tố văn hóa.

Đó là kỳ vọng của tôi đối với sự phát triển của phật pháp tại phương Tây, dù đôi khi tôi cũng hoài nghi điều này có thực sự xảy ra hay không. Ngược lại, ảnh hưởng của chủ nghĩa thuộc địa kéo dài hàng thế kỷ vẫn khiến nhiều xã hội châu Á tự ti về văn hóa của mình và ngưỡng vọng phương Tây như những kẻ chiến thắng. Sự tôn sùng các hệ thống giáo dục phương Tây càng củng cố tâm lý đó.

Thực tế, từ góc nhìn *emic*, nhiều người châu Á không chỉ học mà còn làm chủ cách nhìn của phương Tây. Những ví dụ tiêu biểu là các bộ phim như *Brokeback*

Mountain của Ang Lee và *Hamnet* của Chloé Zhao, cho thấy khả năng nắm bắt sâu sắc các chủ đề phương Tây như thể người bản địa.

Trong khi đó, chiều ngược lại hiếm khi xảy ra. Người phương Tây khi viết sách hay làm phim về Ấn Độ hay Trung Quốc thường mang theo góc nhìn của chính họ, đôi khi lý tưởng hóa thực tại. Điều này không chỉ thiếu tính khách quan mà còn có thể làm sai lệch bản chất của đối tượng được mô tả.

Tóm lại, nếu người phương Tây có thể vận dụng truyền thống tư duy khoa học, khách quan mà không thiên kiến, điều đó sẽ góp phần quan trọng trong việc bảo vệ chính pháp. Với tôi, chỉ cần một số ít người thực sự hiểu phật pháp cả từ bên trong lẫn bên ngoài còn quan trọng hơn rất nhiều so với việc có hàng triệu người cải sang Phật giáo.

BDG: *Những nguyên nhân nhận thức luận (epistemic) nào dẫn đến sự suy giảm của Phật giáo? Liệu việc phong trào chính niệm từ bỏ những tuyên bố chân lý, thay vào đó dựa vào "bằng chứng khoa học" cho thiền định, có thể đã phản tác dụng đối với các nền tảng cốt lõi của Phật giáo không?*

Ngài nhìn nhận xu hướng này như thế nào?

DJKR: Trong thời đại duy vật sâu sắc như hiện nay, Phật giáo với tư cách là con đường tìm kiếm chân lý và trí tuệ đang chịu chung một xu hướng **toàn cầu**: sự suy giảm quan tâm đối với bất kỳ điều gì liên quan đến chân lý và trí tuệ.

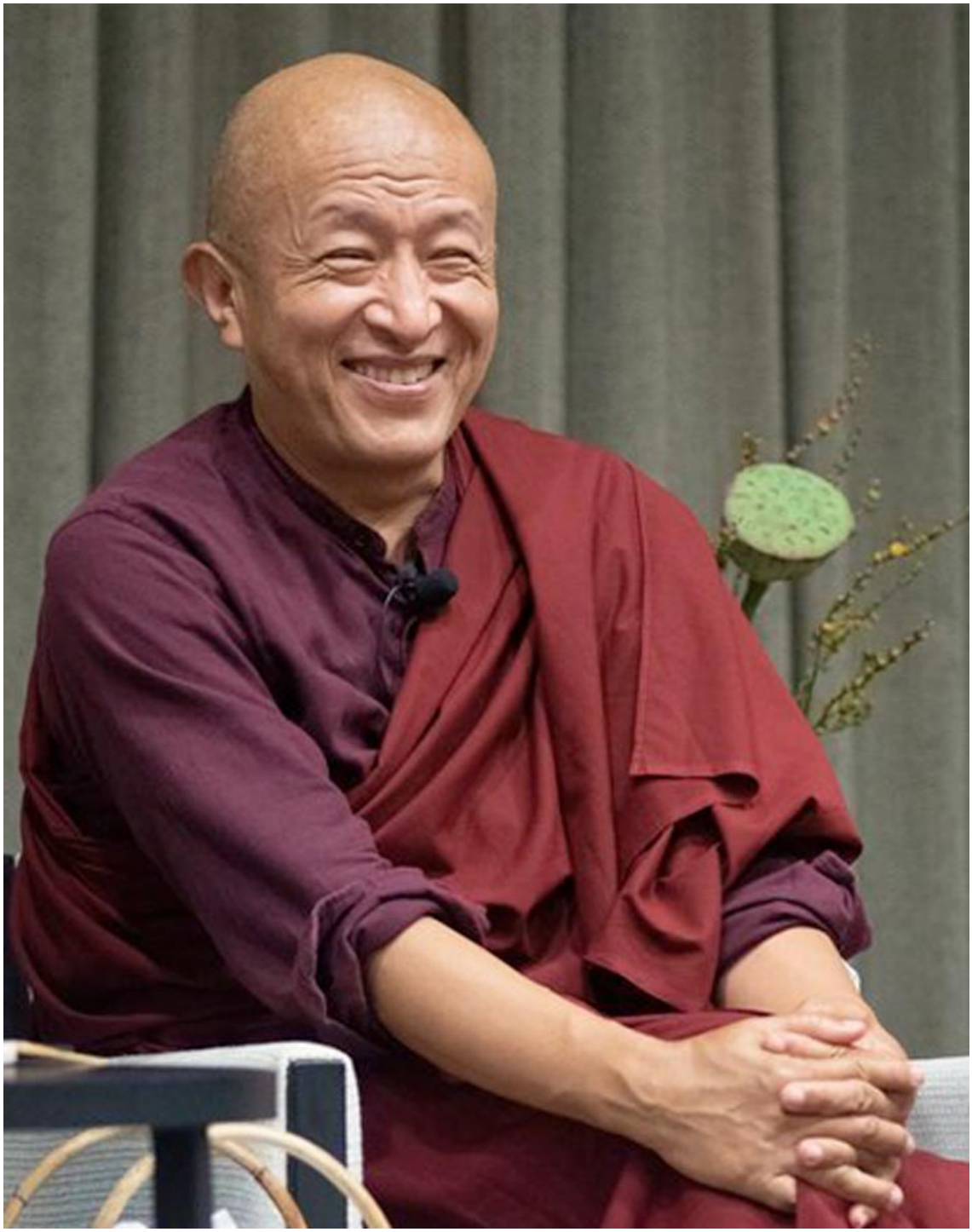

Nguồn: 84000.co

Như Fredric Jameson từng nói: *"Con người dễ hình dung sự kết thúc của thế giới hơn là sự kết thúc của chủ nghĩa tư bản".* Theo nghĩa đó, mọi truyền thống đặt vấn đề với chủ nghĩa tư bản hoặc đề cao giá trị phi vật chất trong đó có Phật giáo đều có nguy cơ bị gạt ra bên lề. Nếu những lý thuyết xã hội sâu sắc như chủ nghĩa xã hội hay cộng sản còn khó có chỗ đứng, thì cơ hội nào cho Phật giáo tồn tại?

Đối với sự suy giảm của phật tử truyền thống hay văn hóa, có nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân lớn nhất vẫn là ảnh hưởng của chủ

nghĩa thuộc địa như tôi đã nói trước đó. Nhiều người nghĩ rằng chủ nghĩa thuộc địa đã là quá khứ. Nhưng thực tế thì ngược lại: nó ngày càng tinh vi và chi phối mạnh mẽ hơn.

Khi tôi từng viết rằng Coca-Cola có lẽ đã phá hủy các truyền thống trí tuệ của chúng ta trên toàn cầu còn triệt để hơn cả Cultural Revolution, rất nhiều người phản đối và cho rằng tôi ủng hộ Trung Quốc cộng sản. Nhưng điều đó là sự thật.

Hãy nhìn vào một nền văn minh lớn như Ấn Độ. Chiến lược của Thomas Babington Macaulay nhằm tạo ra *"một tầng lớp người Ấn Độ về huyết thống nhưng Anh hóa về thị hiếu, quan điểm, đạo đức và trí tuệ"* đã thành công một cách hoàn hảo.

Gần đây có nhiều tranh luận về việc vì sao Ấn Độ tụt hậu so với Trung Quốc, ít nhất về mặt vật chất. Theo tôi, một lý do là giới tinh hoa Ấn Độ nói tiếng Anh, trong khi giới tinh hoa Trung Quốc nói tiếng Trung. Điều này có nghĩa là người Ấn Độ suy nghĩ bằng tiếng Anh, còn người Trung Quốc suy nghĩ bằng tiếng Trung. Ngôn ngữ ảnh hưởng sâu sắc đến cách chúng ta định nghĩa giá trị, tiêu chuẩn và thế giới quan.

Một lý do khác là người Ấn Độ đã hành xử như những đệ tử tuyệt đối vâng phục vị "đạo sư" mới của mình là phương Tây, trong khi người Trung Quốc thì chọn lọc. Người Ấn tiếp nhận gần như toàn bộ những gì được dạy, còn người Trung Quốc chọn cái cần và bỏ cái không cần.

Người Ấn dường như đã quên lời của Krishna khi trả lời Arjuna: *"Thà chết trong chính Dharma của mình còn hơn theo Dharma của kẻ khác đầy nguy hiểm".*

Trên toàn thế giới, đặc biệt ở châu Á, hậu duệ của các xã hội từng bị thuộc địa đôi khi còn "**thuộc địa**" hơn cả chính các thế lực từng thống trị họ. Vì thế, một người Singapore hiện đại có học thức dễ quan tâm đến "Ẩn dụ hang động" của Plato hơn là triết học Duy thức (Chittamatra) thế kỷ IV dù chính hệ thống này bàn sâu về tính huyễn ảo của hiện tượng và bản chất của tâm.

Tương tự, một người Bengal có thể thờ ơ với những tư tưởng vốn có trong truyền thống trí tuệ Ấn Độ như quan niệm quá khứ đã qua, tương lai chưa đến, hiện tại là khoảnh khắc đang diễn ra và tất cả đều là ảo. Nhưng khi gắn điều đó với tên tuổi Albert Einstein và thuyết tương đối về thời gian, họ lại lập tức chấp nhận không chút nghi ngờ.

Không có gì ngạc nhiên khi người châu Á vô thức đồng nhất hiện đại hóa với Tây phương hóa. Vì vậy, Phật giáo thường bị xem là cổ hủ, mê tín, không tiến bộ. Trong khi các tín đồ Kitô không cần phải giảm nhẹ bản sắc tôn giáo của mình,

thì các vị thầy Phật giáo lại phải cẩn trọng để không “quá Phật giáo” trong cách nói và cách thể hiện.

Do đó, khi người ta sử dụng thuật ngữ, công thức hay kỹ thuật của chính niệm, họ gần như cố ý tránh nhắc đến nguồn gốc Phật giáo. Từ việc Eckhart Tolle bị cho là “vay mượn” đến Sadhguru tái cấu trúc các mảnh rời của trí tuệ Phật giáo, những “phiên bản đóng gói mới” thường không ghi nhận nguồn gốc. Tuy nhiên, một người phật tử chân chính có thể xem đây là điều tích cực, thậm chí là một biểu hiện của Phật, nếu thực sự giúp ích cho chúng sinh.

Nếu hỏi một vị thầy Phật giáo chân chính về nguyên nhân nhận thức luận của sự suy giảm, họ có thể nói đó là do thiếu “phước đức”, tức là thiếu sự tận tâm trong việc tìm kiếm chân lý. Điều này không mới: con người chưa bao giờ có khát vọng mãnh liệt đối với chân lý; thực tế thường là ngược lại.

Bản thân câu hỏi của bạn cũng cho thấy xu hướng hiện nay: chúng ta luôn tìm kiếm sự chứng thực khoa học cho mọi thứ. Nhưng đó lại là một “căn bệnh” cần vượt qua. Đôi khi, các nhà khoa học mắc phải “chất độc” của việc không tin vào bất cứ điều gì; khi khác, họ lại mắc “chất độc” của việc chỉ tin trong giới hạn nhận thức của mình. Nếu tôn giáo được định nghĩa là một hệ thống niềm tin, thì khoa học cũng không vượt trội hơn tôn giáo là bao.

Nguồn: khyentsevision.org

BDG: *Tại nhiều quốc gia châu Á, giới trẻ có xu hướng hoài nghi về đời sau và tập trung vào thành công, tiện nghi trong đời này. Các nhà lãnh đạo Phật giáo có thể đối thoại một cách thấu cảm và hiệu quả với tâm thế này như thế nào?*

DJKR: Sự hoài nghi về đời sau không phải là điều mới. Trong các **kinh điển**, con người phàm phu đôi khi được mô tả là những người chỉ thấy và quan tâm đến "bờ bên này".

Rõ ràng, nói về những điều vượt ngoài kinh nghiệm trực tiếp là điều khó khăn. Khi một điều gì đó nằm ngoài tầm với, chúng ta chỉ có thể giả định.

Nếu con người có thời gian và quan tâm để suy xét sâu về ý nghĩa của các khái niệm như "sau" và "đời sống", họ có thể bắt đầu làm lung lay niềm tin tuyệt đối rằng không có gì vượt ngoài đời này. Nhưng có lẽ chúng ta vẫn phải chờ một nhà vật lý chứng minh điều đó thì mới thuyết phục được số đông.

Tương tự, nếu xã hội quan tâm hơn đến cách định nghĩa "thành công" hay "tiện nghi", tôi tin rằng Phật giáo có thể đóng vai trò quan trọng. Thực tế, điều này đã bắt đầu diễn ra ở một số nơi.

Về cách đối thoại với tâm thức duy vật, tôi cho rằng các vị lãnh đạo Phật giáo cần trực tiếp trải nghiệm những hoàn cảnh mà người học của mình đang đối mặt. Bởi lẽ, sự thấu cảm là một trong những phẩm chất khó đạt được nhất.

Nguồn: khyentsefoundation.org

BDG: *Trước những thực tế này, Ngài có lời khuyên gì dành cho các nhà lãnh đạo Phật giáo?*

DJKR: Cá nhân tôi cho rằng điều tốt nhất là khởi tâm nguyện chân thành vì sự giác ngộ của tất cả chúng sinh và vì sự gìn giữ, phát triển của Chính pháp. Ngoài ra, tôi không thấy phật tử hay các nhà lãnh đạo Phật giáo có thể làm được nhiều hơn.

Thực tế là không ai thực sự quan tâm đến vô thường (*anitya*), khổ (*duhkha*) và vô ngã (*anatman*). Nếu lấy sự gia tăng dân số làm thước đo sức mạnh của Phật giáo, thì cần có quyền lực địa chính trị, tiền tệ, bá quyền và một chiến lược truyền thông tinh vi như cách Edward Bernays từng biến nhu cầu thành ham

muốn. Phật giáo không có những điều đó.

Trong các cuộc biểu tình tại Hồng Kông giai đoạn 2019-2020, các cộng đồng Kitô giáo tham gia rất mạnh mẽ, trong khi phật tử bị chỉ trích vì không tham gia. Điều này không bất ngờ, bởi các tôn giáo Abraham gắn liền với chính trị và thường mang tính nhị nguyên rõ rệt, từ đó dễ hình thành các đối lập “thiện - ác”.

Về lý thuyết, Phật giáo không có nền tảng nhị nguyên hay động lực chính trị như vậy, dù trên thực tế vẫn có những phật tử tham gia chính trị.

Tôi không rõ việc phật tử không tham gia ở Hồng Kông là có chủ ý hay không, nhưng khi nghe điều đó, tôi lại cảm thấy hài lòng. Từ Ukraine đến Mùa xuân Ả Rập, từ Hàn Quốc đến cộng đồng Tây Tạng lưu vong, nhiều lần cho thấy các chính phủ và tập đoàn lớn không thực sự quan tâm đến phúc lợi con người, mà chỉ bảo vệ lợi ích riêng.

Khi chính trị bị sử dụng như vậy, tốt hơn hết là đừng trở thành “vật hy sinh” cho những mục tiêu đó. Đó cũng là một lời khuyên tôi muốn gửi đến các nhà lãnh đạo Phật giáo khi cân nhắc tham gia chính trị.

Tác giả: **Raymond Lam**/Chuyển ngữ và biên tập: **Thường Nguyên**

Nguồn: buddhistdoor.net